TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-PT
Ngày 18-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng cho vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân và bà Nguyễn Thị Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 về việc: "tranh chấp hợp đồng cho vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Xuân A, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Tưởng Duy Th, sinh năm 1973 và chị Đào Thị L, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

3. Người làm chứng:

- Anh Phạm Đăng H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1969; địa chỉ: Xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Anh Vũ Hào H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái

Bình.

- Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1955; địa chỉ: Phường B, thành phố T tỉnh Thái Bình.

(đều vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn - anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn – ông Đỗ Xuân A trình bày:**

Do quen biết nên năm 2013, ông A có cho vợ chồng anh Th và chị L vay số tiền 330.000.000 đồng, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 3 năm 2013, vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 5 năm 2013, vay số tiền 70.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 7 năm 2013, vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng tháng 9 năm 2013, vay số tiền 60.000.000 đồng.

Do tin tưởng nhau nên những lần ông đưa tiền cho vợ chồng anh Th đều không ghi giấy vay nợ. Đến ngày 30/12/2013, chị L đã lấy giấy ra viết nội dung "Bác A mượn hộ chú Th L tiền đến ngày 30/12/2013 dương lịch là:

Đợt 1: 100.000.000 đồng

Đợt 2: 70.000.000 đồng

Đợt 3: 100.000.000 đồng

Đợt 4: 60.000.000 đồng

Tổng tiền cả 4 đợt = 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn)"

Sau khi viết xong, chị L đưa cho anh Th ký. Nguồn tiền đưa cho vợ chồng anh Th do ông đi vay hộ nên những người cho vay tiền đến đòi. Ông đã gặp vợ chồng anh Th nhiều lần để đòi tiền về trả cho những người ông đã vay nhưng vợ chồng anh Th khất lần, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến năm 2015 anh Th, chị L không có tiền trả nên ông phải thế chấp một mảnh đất của ông ở xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình để vay ngân hàng lấy tiền trả cho bạn bè. Năm 2017 do không có tiền trả lãi ngân hàng nên ông phải lấy 03 cây tùng la hán của anh Th ở vườn nhà bố mẹ anh Th ở xã Song Lãng mang bán đi, lấy tiền trả lãi ngân hàng, việc này được sự đồng ý của anh Th và chị L. Mỗi cây cao khoảng 03m, đường kính gốc

khoảng 07cm. Vợ chồng anh Th tính mỗi cây 4.000.000 đồng, tổng 3 cây là 12.000.000 đồng và hai bên thống nhất là bán cây để lấy tiền trả lãi ngân hàng. Sau đó ông đã bán 03 cây này cho anh Vũ Hào H1 được 9.000.000 đồng, ông gọi người xuống chở cây, anh H1 là người trả tiền công chở. Ông cũng không nhớ thời điểm đó đã thuê ai chở cây. Số tiền 9.000.000 đồng ông đã sử dụng để trả tiền lãi ngân hàng.

Về cây mẫu đơn đỏ mà anh Th trình bày: Do ông mượn tiền của ông Đặng Văn T2 cho anh Th vay, mà ông Thái lại không lấy lãi, nên ông và anh Th đã thống nhất tặng 01 cây mẫu đơn đỏ cho ông Thái để cảm ơn, nhưng ông Thái không lấy nên đến nay cây mẫu đơn này vẫn đang được trồng ở ngõ nhà ông, cây cao khoảng 1m5, đường kính gốc 04cm. Anh Th nói ông lấy cây trừ nợ là không đúng.

Nay ông đề nghị Tòa án buộc anh Tưởng Duy Th cùng vợ là chị Đào Thị L phải trả cho ông số tiền là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền này.

Khi cho anh Th, chị L vay tiền, hai bên thỏa thuận tính theo lãi suất ngân hàng, tuy thỏa thuận là thế nhưng cũng không nói cụ thể lãi suất là bao nhiêu. Trên thực tế, vợ chồng anh Th chưa trả được đồng lãi nào.

*** Bị đơn – anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L trình bày:**

Vợ chồng anh chị có vay của ông Đỗ Xuân A số tiền 330.000.000 đồng chia làm 04 đợt:

Đợt 1: 100.000.000 đồng

Đợt 2: 70.000.000 đồng

Đợt 3: 100.000.000 đồng

Đợt 4: 60.000.000 đồng

Lúc đầu các bên không viết giấy vay nợ nhưng sau chị L đề nghị viết giấy cho rõ ràng, phòng trường hợp quên mất, chị L là người viết giấy vay và anh Th ký. Giấy vay nợ mà ông A xuất trình cho Tòa án là do chị L viết và anh Th là người ký tên.

Tuy nhiên, anh chị đã trả ông A được một số tiền chứ không phải chưa trả như ông A trình bày, tính đến nay anh chị đã trả ông A:

Bằng tiền mặt: Khoản tiền thứ nhất: Anh Th và cháu là Phạm Đăng H đã trả cho ông A khoảng 50.000.000 đồng. Trong đó, cháu Hữu trả hộ 5.000.000 đồng

hoặc 7.000.000 đồng, còn lại là anh Th trả. Khi trả chỉ đưa tiền mặt, không viết giấy tờ gì. Khoản tiền thứ hai là do ông Nguyễn Khánh T trả thay: Ông T phải trả cho anh Th tiền trồng cây, nhân công, vật liệu, tiền điện, tiền thuê bãi nhưng anh Th không lấy mà yêu cầu ông T chuyển trả số tiền này cho ông A. Anh Th có viết giấy kê các khoản tiền mà ông T phải thanh toán. Số tiền ông T trả cho ông A khoảng 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng vào khoảng năm 2015-2016.

Bằng tiền cây: Năm 2017, ông A lấy 03 cây tùng la hán ở vườn nhà bố mẹ anh Th ở thôn Phú Mãn, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cây cao khoảng 05m, đường kính gốc khoảng 16cm đến 17cm, trồng từ năm 1998, trị giá 15.000.000 đồng/cây, tổng 45.000.000 đồng. Ông A nhất trí tính mỗi cây 15.000.000 đồng, trừ tiền 03 cây là 45.000.000 đồng vào tiền nợ. Năm 2017, ông A lấy 01 cây mẫu đơn đỏ (mẫu đơn ta), đường kính gốc khoảng 15cm đến 17cm, thoát thân 1m2, trị giá 20.000.000 đồng, lúc lấy cây ông A đồng ý giá trị cây là 20.000.000 đồng và trừ vào tiền nợ. Cách đây 02 năm ông A vẫn trồng cây mẫu đơn này tại nhà ông A ở xã Song Lãng. Khoảng năm 2017 ông A còn lấy 01 cây (anh Th không nhớ chính xác là cây gì), ông A đồng ý giá trị cây là 7.000.000 đồng và trừ vào tiền nợ.

Tổng những khoản tiền vợ chồng anh đã trả cho ông A khoảng từ 262.000.000 đồng đến 282.000.000 đồng. Ngoài tờ giấy nợ ông A đã nộp cho Tòa án, còn 01 giấy thanh toán nợ khác mà ông A đang cầm trong đó có viết ông A trừ tiền đã thanh toán với anh T. Khi cho vay ông A có nói chú cứ cầm, làm ăn được thì trả lãi, không làm ăn được thì khi nào có tiền thì trả. Anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Xuân A.

- Những người làm chứng trình bày:

+ Ông Nguyễn Khánh T trình bày:

Khoảng năm 2014 - 2015, ông có gửi ở chỗ anh Tưởng Duy Th một số cây, hàng tháng ông phải trả tiền thuê bãi, tiền điện và các loại chi phí khác cho anh Th, đến đâu ông thanh toán đến đấy, không nợ anh Th khoản tiền nào.

Ông khẳng định là ông không thay anh Th trả cho ông A bất kì khoản tiền gì cũng không có việc anh Th viết giấy kê các khoản tiền mà ông phải thanh toán, sau đó yêu cầu ông trả cho ông A.

+ Anh Phạm Đăng H trình bày:

Anh Tưởng Duy Th là cậu ruột của anh. Anh không biết gì về việc vay nợ giữa ông Đỗ Xuân A và anh Th. Về việc anh Th khai có nhờ anh trả hộ 5.000.000

đồng hoặc 7.000.000 đồng cho ông Đỗ Xuân A, do thời gian đã lâu nên anh không còn nhớ.

+ Anh Vũ Hào H1 trình bày:

Năm 2017 anh có mua của ông Đỗ Xuân A 03 cây tùng la hán, đường kính gốc khoảng 6,5cm đến 07cm, cây thẳng, cao khoảng 2,8m đến 3,2m với giá là 3.000.000 đồng/cây, 03 cây là 9.000.000 đồng cộng với 500.000 đồng tiền vận chuyển. Anh được biết là 03 cây tùng la hán này, ông A lấy lại từ anh Th với giá 12.000.000 đồng/3 cây. Anh đã bán 03 cây tùng la hán này cho khách đến mua cây ngay sau đó, do thời gian đã lâu nên không nhớ là đã bán cho ai, ở đâu.

+ Ông Đặng Văn T2 trình bày:

Năm 2013, ông có cho ông Đỗ Xuân A vay tổng số tiền là 150.000.000 đồng, do mối quan hệ giữa ông và ông A là bạn bè lâu năm nên ông cho vay không lấy lãi, ông được biết ông A vay hộ số tiền này cho anh Tưởng Duy Th. Năm 2017, ông A có nói với ông là ông A và anh Th tặng ông 01 cây mẫu đơn đỏ cao khoảng 1m5, đường kính gốc 04cm để cảm ơn nhưng ông không lấy vì ông cho ông A vay vì tình cảm anh em chứ không phải để được lợi ích gì.

Bản án số 13/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 155; Điều 166; Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L phải trả cho ông Đỗ Xuân A số tiền là 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/7/2023, anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L kháng cáo T bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Th và chị L trình bày đã trả ông A nhiều lần,

chỉ còn nợ ông A số tiền 200.000.000 đồng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Ông A không chấp nhận với lời trình bày của anh Th và chị L, chỉ đồng ý khấu trừ 20.000.000 đồng (là giá trị cây mẫu đơn) vào số tiền mà bản án sơ thẩm đã buộc anh Th chị L phải trả ông.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của anh Th và chị L, sửa bản án sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó được thụ lý và đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt những người làm chứng, tuy nhiên họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Th, chị L đối với bản án sơ thẩm:

Ông A yêu cầu anh Th và chị L trả lại số tiền 330.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu tính lãi suất. Nguyên đơn xuất trình chứng cứ là giấy vay nợ do chị L viết, có chữ ký của anh Th. Anh Th và chị L thừa nhận giấy vay nợ mà ông A xuất trình là do chị L viết và anh Th ký tên. Anh chị đã vay của ông A tổng số tiền là 330.000.000 đồng chia làm 04 lần như ông A trình bày là đúng. Tuy nhiên anh Th, chị L cho rằng mình đã trả được cho ông A khoảng từ 262.000.000 đồng đến 282.000.000 đồng .

Xét lời khai của anh Th và chị L thì thấy:

- Đối với số tiền mà anh Th và anh Hữu đã trả khoảng 50.000.000 đồng, trong đó, anh Hữu trả hộ 5.000.000 đồng hoặc 7.000.000 đồng, anh T trả cho ông A

khoảng 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng vào khoảng năm 2015-2016: Anh Hữu và anh T đều không thừa nhận việc trả hộ tiền cho anh Th, anh Th cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc mình đã trả tiền cho ông A. Do đó, không có căn cứ về việc anh Th, chị L đã trả cho ông A số tiền này.

- Đối với 03 cây tùng la hán: Ông A thừa nhận được sự đồng ý của vợ chồng anh Th, ông có lấy 03 cây tùng la hán của anh Th tại vườn nhà bố mẹ anh Th như anh Th khai là đúng. Tuy nhiên mục đích lấy cây là để bán đi lấy tiền trả lãi cho ngân hàng và hai bên thỏa thuận giá trị mỗi cây là 4.000.000 đồng, tổng 3 cây là 12.000.000 đồng, mục đích không phải là để trừ nợ và giá trị cây cũng không phải là 15.000.000 đồng/cây như anh Th trình bày. Lời khai của ông A phù hợp với lời khai của anh Vũ Hào H1 là người đã mua lại 3 cây tùng la hán này. Do đó có căn cứ để xác định giữa ông A và anh Th đã thỏa thuận giá trị của 03 cây tùng la hán là 12.000.000 đồng, giấy vay nợ không có thỏa thuận về lãi, vì vậy số tiền này được trừ vào khoản nợ gốc 330.000.000 đồng.

- Đối với 01 cây mẫu đơn: Anh Th trình bày ông A thỏa thuận trị giá của cây là 20.000.000 đồng và lấy cây để trừ vào tiền nợ. Ông A không thừa nhận, vì ông A và anh Th đã thống nhất tặng cây này cho ông Đặng Văn T2 là người ông A vay tiền hộ cho anh Th nhưng ông Thái không lấy nên cây vẫn để ở nhà ông A. Lời khai của ông A thống nhất với lời khai của ông Đặng Văn T2. Tuy nhiên, ông A không trả cây này lại cho anh Th, chị L mà để ở nhà mình. Vì vậy, bản án sơ thẩm không trừ giá trị cây mẫu đơn này vào khoản nợ gốc 330.000.000 đồng là không hợp lý. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A cũng đồng ý khấu trừ giá trị cây mẫu đơn này (20.000.000 đồng) vào tiền mà anh Th chị L đang nợ.

- Đối với 01 cây anh Th không nhớ là loại cây gì, ông A khẳng định không nhận từ anh Th cây nào khác nên không có căn cứ để giải quyết.

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trừ giá trị 03 cây tùng la hán (12.000.000 đồng) và 01 cây mẫu đơn (20.000.000 đồng) vào khoản nợ gốc 330.000.000 đồng, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 298.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra giải quyết.

[2.5] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở

chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của anh Th chị L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 24; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L, sửa bản án sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 155; Điều 166; Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L phải trả cho ông Đỗ Xuân A số tiền là 298.000.000 đồng (hai trăm chín mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L phải chịu 14.900.000 đồng (mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Xuân A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Tưởng Duy Th và chị Đào Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh Th và chị L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0001549 ngày 10/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 18/9/2023.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân; Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Vương